

Số: 25/2023/QĐST-HNGĐ

K, ngày 23 tháng 02 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ dân sự thụ lý số 14/2023/TLST-HNGĐ ngày 01/02/2023 giữa:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị D, sinh năm 1995; ĐKKHTT và chỗ ở: Xóm 9A, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Anh Trần Văn C, sinh năm 1992; ĐKKH và chỗ ở: Xóm 9A, xã L, huyện K, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/NQUBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 02 năm 2023.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 02 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Phạm Thị D và anh Trần Văn C.**

**2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Về con: Chị Phạm Thị D và anh Trần Văn C thỏa thuận chị D trực tiếp nuôi dưỡng con chung của vợ chồng là Trần Gia B, sinh ngày 11/10/2014. Anh C có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cho chị D mỗi tháng là 2.500.000<sup>d</sup> (hai triệu năm trăm nghìn đồng) tính từ tháng 02/2023 đến khi con chung thành niên; không bên nào đ-ợc ngăn cản quyền thăm nom, chăm sóc con chung.

- Về án phí: Chị Phạm Thị D và anh Trần Văn C thỏa thuận để chị D nộp toàn bộ án phí ly hôn là 150.000<sup>d</sup> vụ án phí cấp dưỡng nuôi con 150.000<sup>d</sup>, tổng số

tiền án phí phải nộp là 300.000<sup>d</sup>, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000<sup>d</sup> tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/4766 ngày 01/02/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện K.

Kể từ ngày chị D có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh C không nộp số tiền phải nộp nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất chậm thi hành án đối với số tiền phải thi hành tương ứng với thời gian chưa thi hành án theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện K;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã L;
- Các đ-ơng sự;
- L- u HSV A.

**Thẩm phán**

***(Đã ký)***

**Nguyễn Hữu Mạnh**